TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/12/2023
V/v *tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Minh Thư

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Linh

Ông Bùi Văn Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 127/2023/TLST - HNGĐ, ngày 05/10/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2023/QĐXXST - HNGĐ, ngày 30/11/2023 và quyết định hoãn phiên toà số 60/2023/QĐ-ST, ngày 15/12/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị B, sinh năm 1984

HKTT: Thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt

2. Bị đơn: Anh Phan Văn Q, sinh năm 1986

HKTT: Thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, hiện lao động tại Hàn Quốc, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung :

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị B và anh Phan Văn Q đăng ký kết hôn ngày 26/02/2007 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Việc kết hôn có tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc.

Theo chị Lê Thị Bồng b: Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 4/2019 vì kinh tế khó khăn, anh Q đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên gọi điện, hỏi han quan tâm nhau, sau đó

anh Q không gọi điện, không quan tâm vợ con ở nhà nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Vợ chồng không còn tình cảm với nhau, chị B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Tại biên bản ghi lời trình bày của anh Phan Văn Q ngày 17/10/2023 (có sự chứng kiến của bà Dương Thị N, mẹ anh Q), theo anh Q trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không nghiêm trọng, năm 2019 anh Q đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, từ đó vợ chồng ít liên lạc và nghi ngờ lẫn nhau. Chị B ghen tuông cho rằng anh quan hệ bất chính với người phụ nữ khác tại nơi anh đang lao động. Việc chị B làm đơn ly hôn giữa anh và chị B đã bàn bạc thống nhất với nhau, anh Q đồng ý ly hôn với chị B .

2. Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung tên là Phan Thị Diệu L, sinh ngày 27/11/2007; Phan Mạnh Q1, sinh ngày 11/02/2012; Phan Huy H, sinh ngày 27/11/2019.

Chị Lê Thị B có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phan Thị Diệu L. Đề nghị Tòa án giao con chung Phan Mạnh Q1, Phan Huy H cho anh Phan Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên vợ chồng không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh Q đồng ý nguyện vọng của chị B, anh Q trực tiếp nuôi dưỡng 2 con Phan Mạnh Q1, Phan Huy H. Trong thời gian anh đang lao động ở nước ngoài anh Q nhờ bố mẹ là bà Dương Thị N và ông Phan Văn L1 thay anh Q nuôi hai con chung.

Bà Dương Thị N và ông Phan Văn L1 có đơn tự nguyện chăm sóc, nuôi dưỡng 2 cháu, hiện các cháu ở với ông, bà và được ông bà nuôi dưỡng phát triển tốt về mọi mặt.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị B, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 464, 469 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, 55, 57 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; đoạn 2 điểm b tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị B, xử cho chị Lê Thị B được ly hôn với anh Phan Văn Q; về con chung: Giao con chung Phan Thị Diệu L, sinh ngày 27/11/2007 cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao con chung Phan Mạnh Q1, sinh ngày 11/02/2012 và Phan Huy H, sinh ngày 27/11/2019 cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con trowngr thành đủ 18 tuổi. Chị B, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về án phí buộc chị B phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại công văn số 28164QLXNC-P3, ngày 26/10/2023 của Cục Q2 Bộ C về cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh Phan Văn Q đã xuất cảnh ngày 02/4/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Theo thông tin người nhà anh Q cho biết hiện tại anh Q đang lao động tại Hàn Quốc. Tại thời điểm thụ lý vụ án, anh Q đang ở nước ngoài, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Theo Công văn số 253/TANDTC-PC, ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân, địa chỉ của anh anh Phan Văn Q qua bà Dương Thị N là mẹ của anh Q. Bà N cho biết hiện tại anh Q lao động tại Hàn Quốc, còn địa chỉ cụ thể bà không biết. Anh Q điện thoại có hình ảnh, có sự chứng kiến của bà Dương Thị N, Toà án đã ghi lại tại biên bản ngày 17/10/2023, anh Q cho biết hiện tại anh đang lao động tại nước Hàn Quốc, do chỗ ở thay đổi thường xuyên nên không thể cung cấp địa cho Tòa án, anh Q không yêu cầu Tòa án tống đạt văn bản trực tiếp cho anh và đề nghị Tòa án tống đạt văn bản tố tụng cho anh thông qua bà Dương Thị N. Anh Q không thể về Việt Nam để giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt . Tại biên bản làm việc ngày 17/10/2023 bà N đồng đồng ý nhận văn bản do Tòa án tống đạt cho anh Q và cam kết thông báo đầy đủ, kịp thời cho anh Q. Chị B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, Toà án xét xử vắng mặt anh Q, chị B theo quy định tại Điều 238, 477 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị B và anh Phan Văn Q đăng ký kết hôn 26/02/2007 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Việc kết hôn có tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, tuân thủ quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị B, anh Q đều thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn, nghi ngờ lẫn nhau, không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ, yêu thương lẫn nhau. Nhưng, giữa chị B, anh Q không còn tình cảm, không còn yêu thương, tin tưởng nhau. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị B xử cho chị Lê Thị B được ly hôn với anh Phan Văn Q.

[2.2] Quan hệ con chung: Vợ chồng có 3 con chung tên là Phan Thị Diệu L, sinh ngày 27/11/2007; Phan Mạnh Q1, sinh ngày 11/02/2012; Phan Huy H, sinh ngày 27/11/2019.

Chị Lê Thị B có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phan Thị Diệu L. Đề nghị Tòa án giao con chung Phan Mạnh Q1, Phan

Huy H cho anh Phan Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên vợ chồng không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Xét thấy, từ khi anh Q đi xuất khẩu lao động đến nay các con ở với chị H1 và bố mẹ anh Q là bà Dương Thị N, ông Phan Văn L2 được nuôi dưỡng phát triển tốt về mọi mặt. Con Phan Thị Diệu L có đơn trình bày nguyện vọng được ở với chị B, con Phan Mạnh Q1 có đơn trình bày nguyện vọng được ở với anh Q. Anh Q đồng ý với ý kiến chị B. Bà Dương Thị N, ông Phan Văn L2 có đơn tự nguyện nuôi cháu trong thời gian anh Q không có mặt ở Việt Nam. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung Phan Thị Diệu L, sinh ngày 27/11/2007 cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao con chung Phan Mạnh Q1, sinh ngày 11/02/2012 và Phan Huy H, sinh ngày 27/11/2019 cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Q, chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết tiền cấp dưỡng nuôi con chung, do đó, anh Q, chị B không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh Q, chị B có quyền thăm nom con chung không được ai ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị B, anh Phan Văn Q không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[2.4] Về án phí: Chị Lê Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 227, 273, 464, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị B được ly hôn với anh Phan Văn Q.

2. Về con chung: Giao con chung Phan Thị Diệu L, sinh ngày 27/11/2007 cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao con chung Phan Mạnh Q1, sinh ngày 11/02/2012 và Phan Huy H, sinh ngày 27/11/2019 cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Q, chị B không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh Q, chị B có quyền thăm nom con chung không được ai ngăn cản.

3. Về án phí: Buộc chị Lê Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000589 ngày 04/10/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn anh Phan Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã nơi đăng ký KH;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bùi Minh Thư

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Văn Hồng Nguyễn Thái L3 **Bùi Minh T**